

Số: 003/2019/BC.ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 27 tháng 05 năm 2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2018 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang,

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang đã được Công ty TNHH Deloitte (Việt Nam) kiểm toán. Tài liệu Báo cáo đã đăng tải trên website của Công ty: www.dhgpharma.com.vn và website của SGĐCK Tp.HCM: www.hsx.vn. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị chỉ xin trình bày trước Đại hội Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã tóm tắt của Công ty như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Khoản mục	01/01/2018 (VNĐ)	31/12/2018 (VNĐ)
	TỔNG TÀI SẢN	4.087.479.990.857	4.205.964.486.794
A	Tài sản ngắn hạn	2.939.184.938.924	3.147.636.450.849
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	549.777.216.585	75.835.597.431
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	930.615.143.091	1.459.722.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	799.556.214.859	669.787.225.237
IV	Hàng tồn kho	633.807.876.593	891.486.976.436
V	Tài sản ngắn hạn khác	25.428.487.796	50.804.651.745
B	Tài sản dài hạn	1.148.295.051.933	1.058.328.035.945
I	Các khoản phải thu dài hạn	3.509.997.935	1.560.000.000
II	Tài sản cố định	1.026.999.503.625	976.618.370.054
III	Bất động sản đầu tư	-	247.880.293
IV	Tài sản dở dang dài hạn	36.307.709.778	14.087.991.804
V	Đầu tư tài chính dài hạn	14.537.718.549	25.219.928.995
VI	Tài sản dài hạn khác	66.940.122.046	40.593.864.799
	TỔNG NGUỒN VỐN	4.087.479.990.857	4.205.964.486.794
A	Nợ phải trả	1.328.385.577.037	1.061.702.377.563
I	Nợ ngắn hạn	1.264.936.829.442	1.001.487.737.988
II	Nợ dài hạn	63.448.747.595	60.214.639.575

STT	Khoản mục	01/01/2018 (VNĐ)	31/12/2018 (VNĐ)
B	Vốn chủ sở hữu	2.759.094.413.820	3.144.262.109.231
I	Vốn góp chủ sở hữu	1.307.460.710.000	1.307.460.710.000
II	Thặng dư vốn cổ phần	6.778.948.000	6.778.948.000
III	Quỹ đầu tư và phát triển	1.112.177.317.110	1.270.235.596.228
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	321.006.296.742	550.252.659.422
V	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	11.671.141.968	9.534.195.581

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

STT	Khoản mục	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2018 (VNĐ)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.569.014.010.206	4.421.559.894.432
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	506.260.545.711	539.431.684.721
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.062.753.464.495	3.882.128.209.711
4	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.279.637.916.449	2.165.405.025.080
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.783.115.548.046	1.716.723.184.631
6	Doanh thu hoạt động tài chính	88.779.692.278	107.785.026.956
7	Chi phí tài chính	97.684.683.909	96.053.992.493
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>24.541.141.037</i>	<i>28.523.706.808</i>
8	Phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(1.206.432.702)	(86.927.791)
9	Chi phí bán hàng	732.085.284.498	724.884.959.648
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	318.385.523.755	285.637.232.611
11	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	722.533.315.460	717.845.099.044
12	Thu nhập khác	6.756.814.138	18.209.846.265
13	Chi phí khác	10.041.010.203	4.272.517.757
14	Lợi nhuận/(lỗ) khác	(3.284.196.065)	13.937.328.508
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	719.249.119.395	731.782.427.552
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	77.572.213.560	55.332.650.287
17	Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(712.405.929)	25.360.746.447
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	642.389.311.764	651.089.030.818
	Phân bổ cho:		
18.1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	642.407.977.142	653.029.446.317
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(18.665.378)	(1.940.415.499)
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.378	4.445

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ST T	CHỈ TIÊU	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2018 (VNĐ)
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1.	Lợi nhuận trước thuế	719.249.119.395	731.782.427.552
2.	Điều chỉnh cho các khoản:		
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	92.010.389.406	88.607.459.577
	Các khoản dự phòng	16.053.758.031	3.326.854.111
	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(464.083.555)	(256.709.543)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	(86.457.407.316)	(111.551.817.456)
	Chi phí lãi vay	24.541.141.037	28.523.706.808
	Các khoản điều chỉnh khác	8.705.231.445	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	773.638.148.443	740.431.921.049
	Thay đổi các khoản phải thu	(126.642.627.881)	102.583.668.709
	Thay đổi hàng tồn kho	98.293.050.507	(256.037.269.896)
	Thay đổi các khoản phải trả	(46.446.885.927)	(114.239.302.717)
	Thay đổi chi phí trả trước	(11.597.356.933)	9.533.005.655
	Tiền lãi vay đã trả	(24.677.425.925)	(28.505.436.659)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(95.788.362.968)	(76.742.927.770)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(106.470.431.383)	(86.232.427.352)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	460.308.107.933	290.791.231.019
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(63.484.311.476)	(40.845.253.595)
2.	Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	20.184.454.559	9.906.521.326
3.	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(1.523.238.571.667)	(2.795.800.810.202)
4.	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1.315.098.077.111	2.280.521.910.076
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(19.440.000.000)	(160.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	9.000.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	69.676.354.237	85.825.118.708
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(192.203.997.236)	(460.552.513.687)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1.	Tiền thu từ đi vay	2.516.213.007.337	2.851.557.133.423
2.	Tiền trả nợ gốc vay	(2.401.178.435.800)	(2.763.455.806.004)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(436.556.226.000)	(392.238.213.000)
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(321.521.654.463)	(304.136.885.581)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(53.417.543.766)	(473.898.168.249)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	603.188.961.343	549.777.216.585
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	5.799.008	(43.450.905)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	549.777.216.585	75.835.597.431

IV. MỘT SỐ TỶ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	71,91%	74,84%
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	28,09%	25,16%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32,50%	25,24%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	67,50%	74,76%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,32	3,14
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,82	2,25
	Khả năng thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0,43	0,08
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,81%	16,77%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	15,99%	15,70%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22,82%	22,06%

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT, BKS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT, Q. TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đoàn Đình Duy Khương

Số: *4.14* /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (Công ty và các Công ty con sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

0-002
ÁNH
TY
HỮU
TTE
NAM
HỒ C

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.




Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 18 tháng 3 năm 2019
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1144-2018-001-1

